

Bản án số: 133/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 3 - 2020.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang.

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 661/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thu H, sinh ngày 16/02/1976, giấy chứng minh nhân dân số 01182xxxx do Công an Hà Nội cấp ngày 26/7/2004.

Hộ khẩu thường trú: Thôn ĐN, xã HB, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn BC, xã VN, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh ngày 07/6/1966, giấy chứng minh nhân dân số 01160xxxx do Công an Hà Nội cấp ngày 26/7/2004.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn ĐN, xã HB, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 05/5/2000. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn ĐN, xã HB, huyện Đ, thành phố Hà Nội, tại nhà đất của gia đình anh T có từ trước.

Theo chị H trình bày: Quá trình chung sống từ một tháng sau khi cưới anh T đã đánh chị chỉ vì chuyện phơi quần áo. Sau đó, chị sinh con gái thì anh T có lời lẽ phân biệt trai gái và anh T còn cờ bạc. Từ năm 2010, anh chị ly thân dù vẫn ở chung một nhà và không quan tâm, trách nhiệm với nhau, cụ thể chị hoặc anh T ốm đau thì hai bên đều không quan tâm, thăm hỏi. Gia đình hai bên đã khuyên giải, giúp đỡ và chị cũng đã cố gắng nhiều năm nhưng không có kết quả vì không cải thiện được mâu thuẫn. Từ tháng 8/2019, chị đã thuê nhà tại xã VN ở riêng cùng các con cho đến nay. Trong thời gian tết vừa qua anh T xin để được hòa giải nhưng anh không có động thái gì. Hơn nữa, bố chị gọi điện bảo chị phải cẩn thận vì anh T đến nhà bố chị và bảo sẽ mang dao đến nhà chị đang ở thuê. Chị xác định, mâu thuẫn giữa anh chị không thể khắc phục, cuộc sống chung không có hạnh phúc, thời gian ly thân đã kéo dài nên chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Theo anh Nguyễn Quốc T trình bày: Anh chị mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và thời gian mâu thuẫn đã kéo dài trong nhiều năm mà cụ thể là từ năm 2010 như chị H đã trình bày. Từ năm 2010, anh chị ở chung nhà nhưng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh đã nhiều lần chủ động nói chuyện nhưng vợ anh không nói với anh nên anh không nói chuyện được và vợ chồng tiếp tục ly thân. Từ tháng 8/2019, chị H thuê nhà ở nơi khác và dọn đi ở cùng các con cho đến nay. Anh chị đã tự giải quyết và gia đình hai bên cũng giúp đỡ, khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Trong thời gian tết vừa qua anh có nhờ gia đình tác động, can thiệp nhưng không gặp được chị H vì chị từ chối không gặp anh. Ngoài ra, anh không làm được gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, quan điểm của anh là vẫn không đồng ý ly hôn vì anh không muốn mang tiếng cả đời là ly hôn, nếu chị H thích thì cứ ở nơi khác anh không gây ảnh hưởng gì đến chị nhưng không ly hôn.

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Tuyết M, sinh ngày 15/12/2000 và Nguyễn Cao Trí S, sinh ngày 12/02/2009. Các cháu đều khỏe mạnh, bình thường và trong thời gian anh chị sống ly thân thì các cháu ở cùng chị H.

Chị Cao Thị Thu H xác định: Ly hôn, cháu M đã thành niên và tự lập được nên cháu ở với ai là tùy cháu. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác nhưng nếu anh tự nguyện cấp dưỡng thì chị xin nhận. Nếu anh T được nuôi cháu S thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu S thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị hiện làm giáo viên trường trung học cơ sở VN, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/ 1 tháng.

Anh Nguyễn Quốc T xác định: Nếu phải ly hôn, cháu M đã thành niên và tự lập được nên cháu ở với ai là tùy cháu. Anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác, nếu chị H tự nguyện cấp dưỡng thì anh vẫn nhận. Nếu chị H được nuôi cháu S thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị nhưng không đề xuất mức cụ thể vì cuộc sống không biết thế nào, có thể tháng này làm được tháng sau không làm được. Anh hiện làm phó phòng xây dựng của Công ty cổ phần xây dựng số TL, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/ 1 tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng thống nhất xác định anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Cao Thị Thu H vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày tại Tòa án. Nếu anh T đồng ý ly hôn thì chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, không yêu cầu anh T phải chịu cùng chị. Anh Nguyễn Quốc T xác định: Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án do muốn chị H suy nghĩ lại nên anh không đồng ý ly hôn nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn nên tại phiên tòa hôm nay anh xác định giữa anh chị không thể níu kéo được nên anh đồng ý ly hôn. Theo anh T thì giữa anh chị tồn tại mâu thuẫn đã lâu và đáng lẽ người làm đơn xin ly hôn phải là anh vì anh đi làm vẫn đưa tiền cho chị nhưng đã 10 năm nay chị không nấu cơm cho anh ăn. Anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S nhưng nếu Tòa án giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu S thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị H tự nguyện chịu cả anh nhất trí. Ngoài ra anh vẫn giữ nguyên các ý kiến, quan điểm như đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T.

Về con: Anh chị có hai con chung là: Nguyễn Tuyết M, sinh ngày 15/12/2000 và Nguyễn Cao Trí S, sinh ngày 12/02/2009. Ly hôn, cháu M đã thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế nên ở với ai là tùy cháu; giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu S thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung : Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 05/5/2000 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị cùng thống nhất xác định vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh chị xác định có sự khác biệt nhưng đều thừa nhận là bản thân đã cố gắng dàn xếp quan hệ vợ chồng, đã được gia đình hai bên hòa giải, địa phương giúp đỡ nhưng không thể khắc phục mâu thuẫn. Chị H xin ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ. Tuy nhiên, anh không đưa ra được các biện pháp cụ thể để cải thiện quan hệ vợ chồng, anh tự thừa nhận là không thể tiếp cận và nói chuyện với chị H từ nhiều năm nay. Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn của anh chị cũng cho thấy trong quan hệ vợ chồng anh chị đã xảy ra những mâu thuẫn kéo dài khoảng 10 năm nay theo như anh chị thừa nhận và mâu thuẫn đó cho đến nay vẫn không được khắc phục. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài nhiều năm nay và không thể khắc phục, mức độ mâu thuẫn của anh chị ngày một trầm trọng hơn thể hiện từ việc ở chung nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau ngay cả lúc ốm đau sau đó là tiếp tục ly thân mỗi người ở một nơi và tiếp tục không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Tại phiên tòa anh T thay đổi

quan điểm và đồng ý ly hôn, do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Tuyết M, sinh ngày 15/12/2000 và Nguyễn Cao Trí S, sinh ngày 12/02/2009. Các cháu đều khỏe mạnh, bình thường và trong thời gian anh chị sống ly thân thì các cháu ở cùng chị H.

Ly hôn, anh chị đều thống nhất xác định cháu M đã thành niên và có khả năng tự lập được về kinh tế nên cháu ở với ai là tùy cháu, quan điểm này của anh chị phù hợp quy định của pháp luật vì cháu M sinh ngày 15/12/2000 cho đến thời điểm Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn của anh chị thì cháu M đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lập về kinh tế nên ghi nhận. Chị H và anh T cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu S và anh chị cùng đi làm có điều kiện thu nhập, có nơi ở. Tuy nhiên, cháu S có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ cháu là chị H và từ khi chị H, anh T ly thân cháu S vẫn ở cùng chị H nên để tạo điều kiện ổn định cho cháu S sinh hoạt và học tập thì giao cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có quan điểm nếu chị nuôi con không cần anh T cấp dưỡng nhưng nếu anh tự nguyện cấp dưỡng cho con thì chị nhận. Anh T tự nguyện đề nghị nếu chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S thì anh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu S thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp đạo đức và phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng có ý kiến xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T mỗi người phải chịu 1/2 nhưng chị H và anh T thống nhất để chị H tự nguyện chịu cả là phù hợp theo quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Chị Cao Thị Thu H và anh Nguyễn Quốc T có hai con chung là: Nguyễn Tuyết M, sinh ngày 15/12/2000 và Nguyễn Cao Trí S, sinh ngày 12/02/2009. Ly hôn, cháu M đã thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế nên ở với ai là tùy cháu; giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Cao Trí S và anh T cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu S thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Cao Thị Thu H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015190 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị Cao Thị Thu H, anh Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã HB, huyện Đ, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 29 ngày 05/5/2000);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh